

Lâu nay, trong lãnh vực chính trị, một trong những chủ chúng ta, nhất là những người đang sống ở hải ngoại, thường nghe nhiều nhất là chủ “hoà giải”.



nh mang tính minh họa. Nguồn google

Đó cũng là một trong những chủ gây tranh cãi nhiều nhất. Một số người có ý kiến. Những một số người khác lại cho rằng đây là chủ đề không có kết quả đi đâu tra nào cả thôi, những tôi tin là con số những người cho rằng đây là chủ đề cao hơn hẳn. Cần nhìn vào các cuộc biểu tình đây đó hay trên báo chí và diễn đàn trên internet thì thấy ngay.

Những tại sao người ta lại cho rằng đây là một điếu lừa dối là tất cả những thứ?

Trước hết, cần lưu ý: không phải chỉ có người Việt chúng ta mới nói đến chuyện hoà giải. Trên thế giới, trong mấy thập niên vừa qua, người ta cũng bàn nhiều đến vấn đề hoà giải. Lý do rõ rệt như sau: không có thời điểm nào trong lịch sử, nhân loại lại bị chia rẽ một cách dữ dội và dài lâu với nhau một cách đặc biệt như trong thế kỷ 20 vừa qua. Đó nhất thì chiến tranh. Đó nhất thì chiến tranh. Chiến tranh lạnh. Chiến tranh apartheid. Chiến tranh chủng tộc. Xung đột sắc tộc. Hàng trăm triệu người bị giết chết. Hàng mấy trăm triệu người bị tàn phá. Và thế là những đại dương. Thù hận chiến tranh chết. Đó là dĩ vãng và thế kỷ trước đây, hầu như ai cũng thấy hoà giải là một điếu lừa dối của chính trị. Không thể xây dựng một xã hội hoà bình và giàu mạnh và không thể an tâm hướng tới tương lai khi thế kỷ tích trong tâm hồn hàng triệu nạn nhân hay con cháu nạn nhân của những cuộc tàn sát, khi cảm giác nghi ngờ và thù hận của những cuộc tàn sát vẫn còn. Bởi vậy, từ khoảng đầu thập niên 1990 đến nay, giới lãnh đạo nhiều quốc gia ráo riết đẩy mạnh quá trình hoà giải. Hoà giải giữa các quốc gia từng có thời thù địch và tàn sát nhau như giữa Nhật Bản và Trung Hoa, giữa Nhật Bản và Hàn Quốc, giữa Indonesia và East Timor, giữa Đức và một số quốc gia Bắc Âu. Hoà giải trong nội bộ từng quốc gia như giữa người Mỹ và người gốc Phi châu từng bị bán hàng đầy sang châu Mỹ làm nên một thế kỷ trước đây, giữa người Úc và thổ dân, người Tân Tây Lan và người Maori, giữa người Nam Phi và người da đỏ từng bị tàn sát và đàn áp hàng thế kỷ, v.v...

Nếu hòa giải là xu hướng chính của thời đại, tại sao nhiều người Việt không ủng hộ việc này?

Lý do đầu tiên, theo tôi, là vì vết thương của người Việt Nam còn quá mới. Chỉ cần tranh kết thúc mới 35 năm. Các trại cải tạo mới đóng cửa cách đây chưa tới 20 năm. Những người trải qua những kinh nghiệm thảm khốc trong chiến tranh cũng như những kinh nghiệm cay đắng trong các trại cải tạo, và tiếp theo, kinh nghiệm hãi hùng trong vết thương biên giới còn sống và nhiều người vẫn còn tham gia tích cực vào các sinh hoạt chính trị, dù ở trong gia đình, xa lánh ngoài đời nữa.

Tuy nhiên, đây không phải là lý do không thể vượt qua được. Nếu đầu tiên kết thúc chiến tranh Việt Nam Phi còn mới hơn nhiều. Mâu thuẫn giữa Indonesia và East Timor lại càng mới hơn nữa. Vậy mà ở các nước này, quá trình hòa giải được tiến hành khá tốt đẹp.

Bởi vậy, theo tôi, lý do thực hai này quan trọng hơn: chúng ta thiếu sự tin cậy đối với nhau.

Nói đến sự tin cậy là nói đến góc nhìn từ phía các nhân dân. Một trong những chiến thắng lớn nhất của các nhân dân là sự đổi mới niềm tin đối với chính quyền. Không phải ngẫu nhiên mà câu nói “Đừng tin những gì chúng tôi nói; hãy nhìn những gì chúng tôi làm” lại trở thành câu nói phổ biến sau năm 1975. Nhưng một thất bại đáng buồn. Không chỉ có câu nói đó mà duy nhất của ông Nguyễn Văn Thiệu trong suốt 8 năm làm Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa (1967-1975). Không thể nói đến hòa giải khi niềm tin bị phá vỡ. Những niềm tin chỉ có thể phục hồi từ công lý. Bởi vậy, ở đâu quá trình hòa giải cũng bắt đầu bằng sự thật và nhận sự thật. Nếu có Đức không thể hòa giải với người Do Thái hay nhiều quốc gia khác từng bị chiếm đóng ở châu Âu nếu không khẳng định rằng họ là các tội ác của Nazi, đặc biệt, sự tàn ác của Holocaust. Nếu không thể hòa giải với nhiều quốc gia Á châu, nếu bắt đầu từ Trung Quốc và Hàn Quốc, nếu không thừa nhận những tội ác chiến tranh của họ ở thập niên 1940.

Chính vì thế, quá trình hòa giải thường bắt đầu bằng một lời xin lỗi chính thức. Một trong những đức điểm nổi bật nhất trong sinh hoạt chính trị thế giới thời hậu-Chiến tranh lạnh là việc công khai hóa niềm ân hận đối với những tội ác trong quá khứ. Năm 1990, Tổng thống Mỹ George Bush đã xin lỗi 120 ngàn người Mỹ gốc Nhật bị giam cầm trong thời Đế quốc Nhật chiếm. Cũng năm 1990, Mikhail Gorbachev bày tỏ ân hận sâu sắc trước việc Stalin giết chết 15 ngàn viên chức người Ba Lan tại Katyn Forest vào năm 1940 (Đàn Chim Việt: chi tiết này không chính xác, con số này là 22.000 người, chủ yếu là sĩ quan Ba Lan). Đức giáo hoàng John Paul đã nhờ xin lỗi về việc Giáo hội Công giáo đã thờ ơ trong việc cứu giúp người Do Thái khỏi thảm họa Holocaust. Nữ hoàng Elizabeth II của Anh công khai xin lỗi về việc tàn sát người Maori ở

Tân Tây Lan trở lại đây. Thủ tướng Anh Tony Blair xin lỗi vì trách nhiệm của Anh trong nạn đói ở Ireland vào thế kỷ 19. Năm 1998, Tổng thống Bill Clinton xin lỗi người châu Phi về vai trò của Mỹ trong việc buôn bán nô lệ thế kỷ trước. Năm 1993, Thủ tướng Morihiro Hosokawa bày tỏ ân hận và xin lỗi vì những tội ác mà nước Nhật đã gây nên thời Đế quốc. Năm 1995, Thủ tướng Tomiichi Murayama xin lỗi người Hàn Quốc. Năm 1998, trong dịp gặp gỡ với Tổng thống Hàn Quốc Kim Dae Jung, Thủ tướng Keizo Obuchi xin lỗi người Hàn Quốc, nhằm chuyển vào những nhận xét của Hàn Quốc. (1) Riêng ở Úc, đầu năm 2009, Thủ tướng Kevin Rudd đã chính thức xin lỗi người thổ dân tại Úc về những chính sách sai lầm của người da trắng trong quá khứ.

Những lời xin lỗi công khai và chính thức như thế chuyển từ sự thành tâm và thiện chí của các chính phủ nhằm hàn gắn những rạn nứt trong xã hội và giải quyết các cuộc gia đình mà người có thể thanh toán xong chuyện quá khứ để họ hòa hợp với thế giới, mặt thế giới lại hòa thuận và hợp tác. Đó là yêu cầu đầu tiên cần có để tạo nên sự tin cậy.

Ở các nước, mà tôi xin lỗi đầu đi liền với sự đền bù. Trong hoàn cảnh Việt Nam, tôi không nghĩ sự đền bù là cần thiết, nhất là đối với những người Việt hiện đang sống ở hải ngoại. Thành thực mà nói, họ đã được đền bù. Không phải Việt Nam đền bù. Mà là quốc tế đền bù khi cứu vớt họ từ trên các chiếc thuyền vượt biển mang manh áo khi chấp nhận cho họ đến các quốc gia tự do, từ đó, bản thân họ và con cháu họ được hưởng một cuộc sống an lành và no ấm, được hưởng các điều kiện giáo dục và an sinh xã hội thuộc loại hoàn hảo nhất thế giới. Họ không cần đền bù. Những họ cần một lời xin lỗi, hoặc ít nhất, một sự nhìn nhận sai lầm từ chính phủ, một điều kiện đầu tiên xác lập lại niềm tin cậy đã bị đánh mất.

Nhìn nhận sự thực, trong đó có việc nhìn nhận những sai lầm trong quá khứ, chỉ là bước đầu. Một sự tin cậy thực sự chỉ có thể được hình thành qua hành động. Và bằng những chính sách cụ thể. Nhiều người nêu lên yêu sách giải tán đảng Cộng sản hoặc xóa bỏ điều 4 trong Hiến pháp liên quan đến việc đặt quy định lãnh đạo đất nước của đảng Cộng sản. Tôi cho rằng yêu sách như thế là lý tưởng nhưng rất ít có tính khả thi. Không bao giờ có chuyện một đảng cầm quyền từ đảng giải tán hay từ bỏ quyền lực khi chấp nhận đổ vỡ vào thế giới đang cùng cù. Mà trong tình hình chính trị quốc nội cũng như quốc tế hiện nay, có lẽ còn lâu đảng Cộng sản mới bị đổ vỡ vào cái thế giới cùng cù. Bởi vậy, thực tế hiện, chúng ta chỉ đặt ra một yêu sách: vì đất nước. Với đất nước nào cầm quyền không quan trọng bằng với đất lý tưởng xây dựng một đất nước thực sự giàu mạnh, tự do và bình đẳng. Cần sự nhìn nhận và đánh giá lý tưởng này là các chính sách.

Những vấn đề là: hiện nay đảng Cộng sản có thể sống vì đất nước hay không? Có rất nhiều bằng chứng cho thấy là không. Ít nhất, với họ, đất nước không quan trọng bằng quyền lợi của chính

h. Có ai đó tóm tắt cái thối tiến thoái lưỡng nan của đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay một cách rất tài tình: “Theo Trung Quốc thì mất nước; theo Mỹ thì mất Đảng”. Theo ghi nhận của nhiều người, đảng như đảng Cộng sản đang chọn: thà mất nước còn hơn mất Đảng.

Tuy nhiên, dĩu này đã được nhiều người phân tích, tôi không muốn nhắc lại. Tôi chỉ xin nhắc nhở một điểm: ít nhất với cộng đồng người Việt ở hải ngoại, chính quyền Việt Nam hoàn toàn không quan tâm đến lý tưởng xây dựng đất nước. Ý đồ hoà giải với cộng đồng người Việt chủ xuất phát từ mục đích biến cộng đồng thành công cụ của họ, nhằm phục vụ cho lợi ích của chính họ mà thôi. Có thể thấy rõ dĩu này qua bức thư Thư trình bày Bối cảnh giao Nguyễn Thanh Sơn với Dân biểu Mỹ Cao Quang Ánh ngày 31 tháng 3 vừa qua. Trong thư, ông Nguyễn Thanh Sơn viết:

“Chúng tôi tin tưởng rằng với thiện chí của Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, với vị trí và uy tín của Ngài trong Chính quyền Mỹ cũng như trong cộng đồng người Việt ở địa phương... với những gì Ngài đã tận tâm cống hiến và thực sự cảm nhận qua chuyến về Việt Nam vừa rồi, tôi hy vọng [sic] rằng Ngài sẽ cùng hợp tác với chúng tôi để chúng ta có những cuộc trao đổi cởi mở, thẳng thắn nhằm đem lại lợi ích thiết thực góp phần xây dựng cộng đồng người Việt Nam tại Hoa Kỳ nói riêng và trên thế giới nói chung thành cộng đồng người Việt ở hải ngoại thực sự đoàn kết vì Quê hương đất nước ruột thịt của mình.” (2)

Xin hãy lưu ý đến một câu: “nhằm đem lại lợi ích thiết thực nhằm xây dựng cộng đồng người Việt Nam tại Hoa Kỳ nói riêng và trên thế giới nói chung...”

Mục tiêu của hoà giải, như thế, chỉ nhằm “xây dựng cộng đồng người Việt Nam” ở hải ngoại. “Xây dựng” theo chiều hướng nào? Theo chiều hướng “đoàn kết” với chính quyền trong nước! Nghĩa là, nói cách khác, để biến thành công cụ của chính quyền!

Vậy mà cũng gọi là “hoà giải” sao?

À, tự nhiên sẽ nhớ chuyến năm 2005 chính quyền Việt Nam đã vận động chính quyền Indonesia và Malaysia để phát hành tấm bưu thiếp mừng những người bạn vượt biên ở đảo Galang và đảo Bidong, nơi dòng chân của cả hàng trăm ngàn người tị nạn Việt Nam trú ẩn khi được chính quyền nước ngoài gia hạn nào đó.

Chỉ có hai tấm bia nhỏ nhồi hai hòn đồ heo hút nhỏ vậy mà họ cũng không chịu nổi. Thì nói đến chuyện hòa giải làm gì cho mất.

Chú thích:

1. Xem “Reconciliation in the Asia-Pacific” do Yoichi Funabashi biên tập, United States Institutes of Peace Press xuất bản tại Washington, D.C. năm 2003, tr. 4-5.
2. Xem toàn văn bức thư trên http://josephcao.house.gov/UploadedFiles/Nguyen_Thanh_Son_request.pdf và thư trả lời của ông Cao Quang Ánh http://josephcao.house.gov/UploadedFiles/Letter_to_Deputy_Minister_Nguyen_Thanh_Son.pdf